TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 22

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 95 508 176 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 95 500 000 **B.** 95 600 000 **C.** 95 510 000 **D.** 96 000 000

Câu 2. Số 32 137 726 đọc là:

A. ba mươi hai triệu một trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy

B. ba mươi hai triệu một trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi sáu

C. ba mươi hai triệu một trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi sáu

D. ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi sáu

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện: 3895 + 9208 + 792 = ……

A. 14 895 **B.** 13 895 **C.** 13 795 **D.** 13 905

Câu 4. Với m = 8496, n = 1176, p = 1093 thì giá trị biểu thức m − n + p là:

A. 6227 **B.** 7413 **C.** 8413 **D.** 8579

Câu 5. 8 tạ 1 yến = ……. kg

A. 801 **B.** 81 **C.** 8010 **D.** 810

Câu 6. Hình thoi có cạnh 16 cm thì chu vi là:

A. 64 cm **B.** 20 cm **C.** 256 cm **D.** 32 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 triệu, 5 chục nghìn, 7 trăm và 1 đơn vị viết là: …….

b) Số «tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi tám» viết là: …….

c) Làm tròn số 4 948 285 đến hàng trăm nghìn được: …….

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 5 với a = 7407, b = 887: …….

b) m − n + p với m = 32 787, n = 6913, p = 7185: …….

c) (x + 3701) × 2 với x = 400: …….

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 4 tấn 5 kg …… 4500 kg

b) 4 m^2 5 dm^2 …… 45 dm^2

c) 3 thế kỉ …… 300 năm

d) 756 350 …… 746 350

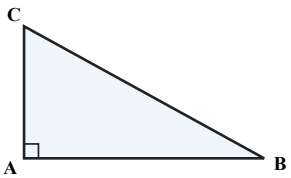
Bài 4. Hình bình hành ABCD có cạnh AB = 20 cm, cạnh BC = 21 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Chu vi hình bình hành: …… cm

b) Cạnh DC dài: …… cm

c) Cạnh AD dài: …… cm

Bài 5. Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: ……

b) Số góc nhọn: ……

c) Số góc tù: ……

Bài 6. Hai thùng có tất cả 112 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 26 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: …… l

b) Thùng thứ hai: …… l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 22

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	B	C	D	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 9 050 701

b) 8 053 478

c) Chữ số hàng chục nghìn là 4 nên được 4 900 000

Bài 2.

a) $7407 + 887 \times 5 = 7407 + 4435 = 11\,842$

b) $32\,787 - 6913 + 7185 = 25\,874 + 7185 = 33\,059$

c) $(400 + 3701) \times 2 = 4101 \times 2 = 8202$

Bài 3.

a) $4005 < 4500$

b) $405 > 45$

c) $300 = 300$

d) $756\,350 > 746\,350$

Bài 4.

a) $(20 + 21) \times 2 = 82$ (cm)

b) DC = AB = 20 cm

c) AD = BC = 21 cm

Bài 5.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác vuông ABC: 1 góc vuông, 2 góc nhọn, 0 góc tù.

Bài 6.

Thùng thứ nhất: $(112 + 26) : 2 = 69$ (l)

Thùng thứ hai: $69 - 26 = 43$ (l)